

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 80/2023/DS-PT

Ngày 20-11-2023

V/v: “*Tranh chấp yêu cầu trả lại
quyền sử dụng đất và chia di sản
thừa kế*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tài Sử

Các Thẩm phán tham gia: Ông K’Tiêng và ông Lương Đức Dương

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Vinh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Ông Dương Phúc Trường – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 57/2023/TLPT-DS ngày 23-8-2023, về việc “*Tranh chấp yêu cầu đòi lại quyền sử dụng đất và chia di sản thừa kế*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2023/QĐXXPT-DS ngày 06-9-2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 58/2023/QĐST-DS ngày 20-9-2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông, đối với các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nông Thị Hồng P; địa chỉ: Thôn A, xã N, huyện C, tỉnh Đắk Nông – Vắng mặt.

- *Bị đơn:* Ông Nông Văn H1; địa chỉ: Thôn A, xã N, huyện C, tỉnh Đắk Nông – Có mặt.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập:* Bà Nông Thị N; địa chỉ: Thôn A, xã N, huyện C, tỉnh Đắk Nông – Vắng mặt.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Nông Thị N và là người đại diện theo ủy quyền của chị Nông Thị Hồng P:* Ông Nguyễn Văn T – Luật sư thuộc Văn phòng luật sư K, Đoàn luật sư tỉnh Đắk Nông - Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Những người có quyền và nghĩa vụ liên quan:

+ Anh Nông Văn C; địa chỉ: Thôn P, xã Đ, huyện R, tỉnh Đắk Nông – Vắng mặt.

+ Anh Nông Văn H2 - Có mặt

+ Bà Bé Thị N1 - Vắng mặt

+ Chị Nông Thị Đ - Vắng mặt

+ Ông Nông Văn S - Vắng mặt

Cùng địa chỉ: Thôn A, xã N, huyện C, tỉnh Đắk Nông.

+ Ông Bùi Anh V – Vắng mặt

+ Bà Trương Thị Đ - Vắng mặt

Cùng địa chỉ: Thôn B, xã N, huyện C, tỉnh Đắk Nông.

+ Ông Phùng Văn K - Vắng mặt

+ Bà Long Thị T - Vắng mặt

Cùng địa chỉ: Thôn A, xã N, huyện C, tỉnh Đắk Nông.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh Nông Văn H2:* Ông Nguyễn Khánh L – Luật sư Công ty luật TNHH MTV L - Thuộc đoàn luật sư tỉnh Đắk Lắk; địa chỉ: Số 08A Q, thị trấn E, huyện C, tỉnh Đắk Nông – Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nông Thị Hồng P trình bày:

Thửa đất số 141, tờ bản đồ số 21, diện tích 3.880m², nguồn gốc do bố mẹ chị khai hoang. Ngày 23/11/1993, bố chị là ông Nông Văn T được UBND huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) số XXX, thửa đất có mặt tiếp giáp đường liên xã khoảng 30m. Năm 2000, bố mẹ chị có chuyển nhượng cho vợ chồng ông Phùng Văn K, bà Long Thị T khoảng 10m mặt đường, sau khi chuyển nhượng lô đất còn 20m mặt đường.

Năm 2002, bố chị chết không để lại di chúc, năm 2014, lấy lý do bố mẹ chị không trả được nợ, vì trước đây bố mẹ chị có vay ông H1 một khoản tiền, nên ông Nông Văn H1 ngang nhiên đến ở và xây dựng 01 căn nhà cấp 04, ông H1 ngăn cản mẹ chị và ông bà nội là ông Nông Văn S, bà Lý Thị N đến sử dụng đất.

Năm 2015, không đồng ý với việc làm của ông H1, mẹ chị đã có đơn kiện buộc ông H1 trả đất, quá trình giải quyết tại tòa án, ông H1 đồng ý trả cho mẹ chị số tiền 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng), ông H1 sẽ được tiếp tục sử dụng đất, mẹ chị đã rút đơn khởi kiện, tuy nhiên sau đó ông H1 đã không thực hiện đúng cam kết. Năm 2020, ông H1 đã khởi kiện mẹ chị ra Tòa án nhân dân huyện C buộc mẹ chị giao đất vì cho rằng có hợp đồng chuyển nhượng, mẹ chị không đồng ý, sau đó ông H1 tự ý rút đơn khởi kiện, Tòa án đã ra Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án.

Nay chị khởi kiện yêu cầu ông H1 phải trả lại toàn bộ diện tích đang chiếm trái phép và yêu cầu chia di sản thừa kế theo quy định của pháp luật.

Di sản thừa kế là $\frac{1}{2}$ diện tích còn lại của thửa đất số 141, tờ bản đồ 21. Hàng thừa kế thứ nhất gồm mẹ chị, ông bà nội, chị và em trai, tuy nhiên hiện nay bà nội Lý Thị N đã chết.

Theo bản tự khai, biên bản lấy lời khai và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nông Văn H1 trình bày:

Về nguồn gốc diện tích đất tranh chấp ông cho rằng là của ông T khai hoang và được cấp giấy chứng nhận vào năm 1993. Trước đây do ông T có nợ ông một khoản tiền 15 triệu để trả nợ Ngân hàng, do không thể trả được nợ nên vào năm 2003, ông T và anh Nông Văn C đã chuyển nhượng phần diện tích đất trên cho ông, tiền nợ được tính vào giá chuyển nhượng. ông đã được ông T bàn giao đất, ông quản lý sử dụng từ đó đến nay, toàn bộ tài sản trên đất hiện nay là do gia đình ông tạo lập.

Do vậy ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của chị P và bà N trong vụ án này.

Quá trình giải quyết, Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập bà Nông Thị N trình bày:

Diện tích đất tranh chấp là do vợ chồng bà khai phá khoảng những năm 1991. Năm 1993 được cấp GCNQSDĐ đứng tên chồng bà là Nông Văn T. Năm 1995 vợ chồng có dựng 01 căn nhà gỗ 03 gian để ở, năm 2001 do ông T hay uống rượu nên hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, bà N đi tỉnh Bình Phước làm thuê, hai vợ chồng sống ly thân.

Năm 1993, vợ chồng bà có vay của ông H1 4.000.000đ, sau khi vợ chồng sống ly thân, chồng bà có vay thêm ông H1 thêm 6.000.000đ nữa, sau đó ông H1 tính cả gốc và lãi là 15.000.000đ và yêu cầu lấy đất để cầm trả vào khoản nợ, năm 2015 ông H1 chính thức dọn đến để ở. Ngay sau khi phát hiện ông H1 đến ở, bà đã viết đơn ra UBND xã N yêu cầu giải quyết, UBND xã hòa giải nhưng không thành, sau đó bà đã khởi kiện ra Tòa án, tuy nhiên vụ án đã được đình chỉ như chị P đã trình bày.

Bà có yêu cầu độc lập là buộc ông H1 phải trả lại diện tích đất hiện nay đang chiếm giữ và đồng ý với yêu cầu chia di sản thừa kế của chị Nông Thị Hồng P.

Quá trình giải quyết, Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nông Văn H2 trình bày:

Thửa đất số 141 là tài sản chung của vợ chồng ông T, bà N mua chứ không phải là khai hoang. Năm 2000, ông T, bà N chế chấp vay ngân hàng, sau đó do mâu thuẫn vợ chồng, ông T bà N sống ly thân, ông T ở lại lô đất 141 nuôi con là anh Nông Văn C, bà N đưa con là chị P đi nơi khác sinh sống. Năm 2002, bố anh cho ông T vay 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng) để trả nợ ngân hàng, sau đó do không trả được nợ cho bố anh nên ngày 13/01/2003 (đương

lịch) ông T và anh C đã viết giấy bán đất cho bố anh, không lâu sau đó ông T chết. Việc mua bán chỉ viết tay.

Thời điểm bố anh mua đất anh đang ở ngoài bắc không được chứng kiến, năm 2015 anh mới chuyển từ ngoài bắc vào sinh sống và được bố mẹ anh giao cho quản lý sử dụng. Sau khi bố anh mua xong thì cho bố mẹ là ông Nông Văn S, bà Lý Thị N1 đến ở quản lý.

Anh thừa nhận trước đây hai bên đã tranh chấp và được Tòa án giải quyết nhiều lần. Năm 2020, tại Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông, bố anh thỏa thuận sẽ trả cho bà N số tiền 150.000.000đ, GCNQSDĐ mang tên bà Đ, ông V bị hủy bỏ, bà N có trách nhiệm H1 tắt thủ tục sang nhượng, bố anh rút đơn khởi kiện, vụ án được đình chỉ. Tuy nhiên sau đó bà N đã không thực hiện cam kết.

Hiện trên thửa đất số 141 gồm có những người sau đang sinh sống: Ông Nông Văn H1, bà Bé Thị N2, chị Nông Thị Đ, cháu Nông Phi T và cháu Nông Thị Thanh T. Anh H2 không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị P và của bà N.

Quá trình giải quyết, Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trương Thị Đ trình bày:

Ngày 27/10/2017, vợ chồng bà nhận chuyển nhượng của bà Nông Thị N thửa đất 141 là đối tượng tranh chấp trong vụ án này, tuy nhiên sau khi nhận chuyển nhượng vụ việc phát sinh tranh chấp vì liên quan đến thừa kế, ông H1 khởi kiện yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng, vụ việc phải đưa lên Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông để giải quyết theo thủ tục phúc thẩm. Sau đó Tòa án đã ra Quyết định công nhận thỏa thuận, theo đó Tòa án hủy hợp đồng chuyển nhượng giữa vợ chồng bà và bà N, bà N phải trả cho bà số tiền 330.000.000đ.

Hiện bà chỉ có liên quan đến việc yêu cầu thi hành án đối với thửa đất số 141 vì bà N chưa trả tiền cho bà. Bà không có yêu cầu gì khác trong vụ án này.

Quá trình giải quyết, Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Phùng Văn K, bà Long Thị T trình bày:

Năm 1999, ông bà có nhận chuyển nhượng của ông Nông Văn T và bà Nông Thị N 01 lô đất hình tam giác với diện tích 300m², mặt đường là 10m, việc chuyển nhượng chỉ viết tay, sau khi nhận chuyển nhượng ông bà sinh sống trên đất cho đến nay và không có tranh chấp với ai. Ông bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật và trên cơ sở bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông bà.

Tại Bản án số 09/2023/DS-ST ngày 25-5-2023 của Tòa án nhân dân huyện C đã căn cứ khoản 5, 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; Điều 157; Điều 165 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 609, 612, 649, 650, 651 Bộ luật dân sự 2015. Điều 166, Điều 203 Luật Đất đai năm 2003; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

- *Về yêu cầu đòi lại quyền sử dụng đất*: Chấp nhận yêu cầu đòi lại quyền sử dụng đất của bà Nông Thị N.

Buộc bị đơn ông Nông Văn H1 cùng những người có quyền và nghĩa vụ liên quan là bà Bé Thị N2, anh Nông Văn H2, chị Nông Thị Đ phải trả lại cho bà Nông Thị N một phần diện tích đất thuộc thửa đất số 141, tờ bản đồ 21, diện tích 3.192m^2 (trên cơ sở trừ đi phần diện tích đã chuyển nhượng cho ông Khởi, bà Tiệm và theo trích lục bản đồ địa chính kèm theo biên bản xem xét thẩm định ngày 14/10/2021).

Bà Nông Thị N có trách nhiệm tiếp nhận phần diện tích tranh chấp trên và toàn bộ tài sản trên đất (*Hiện trạng tài sản được mô tả theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 14/10/2021 của Tòa án*).

Bà N phải thanh toán lại cho ông Nông Văn H1 giá trị tài sản trên đất là 354.174.000đ và công sức tôn tạo, phát triển đối với phần diện tích tranh chấp là 80.000.000đ, tổng cộng là 434.174.000đ.

- *Về yêu cầu chia di sản thừa kế*: Chấp nhận yêu cầu của chị Nông Thị Hồng P, xác định di sản thừa kế là $\frac{1}{2}$ diện tích còn lại của thửa đất 141, tờ bản đồ số 21, diện tích 3.192m^2 , có giá trị là: $1.486.232.000\text{đ} : 2 = 743.116.000\text{đ}$. Bà Nông Thị N được quản lý sử dụng toàn bộ diện tích đất và phải thanh toán cho mỗi kỹ phần được hưởng là chị Nông Thị Hồng P, anh Nông Văn C, ông Nông Văn S mỗi người 185.779.000đ.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí xem xét thẩm định, định giá tài sản, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 19-7-2023, ông Nông Văn H1 và anh Nông Văn H2 kháng cáo toàn bộ bản án và yêu cầu hủy bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Nông Văn H1 và anh Nông Văn H2 vẫn giữ yêu cầu kháng cáo.

Luật sư bảo vệ quyền lợi, hợp pháp cho ông Nông Văn H1 và anh Nông Văn H2 đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại.

Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông phát biểu quan điểm về giải quyết vụ án: Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử phúc thẩm, thực hiện đúng thủ tục tố tụng dân sự. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận đơn kháng cáo, áp dụng khoản 3 Điều 308, Điều 310 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, hủy Bản án số 09/2023/DS-ST ngày 25-5-2023 của Tòa án nhân dân huyện C, chuyển hồ sơ về Tòa án nhân dân huyện C để giải quyết lại theo thủ tục chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, ý kiến của Luật sư, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, đối chiếu quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

Đơn kháng cáo của ông Nông Văn H1 và anh Nông Văn H2 kháng cáo trong thời hạn luật định, đã nộp tạm ứng án phí nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[1]. Xét yêu cầu khởi kiện của chị Nông Thị Hồng P thì thấy:

Ông Nông Văn T và bà Nông Thị N kết hôn ngày 16-01-1992 (BL 237). Thửa đất số 141, tờ bản đồ 21, diện tích 3880m² theo GCNQSDĐ số C 818155 do UBND huyện C cấp ngày 23/11/1993 mang tên ông Nông Văn T. Theo Điều 14 Luật Hôn nhân gia đình năm 1986 thì thửa đất này là tài sản chung của vợ chồng ông T và bà N. Năm 1995 ông T, bà N dựng nhà sinh sống trên đất. Năm 1999 ông T, bà N có chuyển nhượng cho ông Phùng Văn K, bà Long Thị T10m chiều ngang bằng giấy viết tay, chưa sang tên. Ông K, bà T dựng căn nhà gỗ năm 2002 sinh sống ổn định trên đất.

Theo bà N do ông T hay say rượu nên năm 2001 bà N bỏ nhà đi làm thuê ở Bình Dương và sống ly thân với ông T.

Ngày 12-02-2002, ông Nông Văn T chết không để lại di chúc. Di sản của ông T để lại là ½ tài sản trong khối tài sản chung của ông T và bà N.

Căn cứ Điều 638 của Bộ luật Dân sự năm 1995 về người thừa kế: “*Người thừa kế là cá nhân phải là người còn sống vào thời điểm mở thừa kế hoặc sinh ra và còn sống sau thời điểm mở thừa kế nhưng đã thành thai trước khi người để lại di sản chết*” thì tại thời điểm mở thừa kế, hàng thừa kế thứ nhất của ông T gồm: Vợ, cha đẻ, mẹ đẻ, con đẻ, cụ thể là: Bà Nông Thị N, ông Nông Văn S, bà Lý Thị N1, anh Nông Văn T, chị Nông Thị Hồng P.

[2]. Đối với yêu cầu của bà Nông Thị N về việc buộc ông Nông Văn H1 trả lại quyền sử dụng đất:

Sau khi ông T chết, thửa đất số 141, tờ bản đồ 21 với diện tích đất còn lại do ông Nông Văn H1 là anh trai ông Nông Văn T quản lý sử dụng. Căn cứ Biên bản xem xét thẩm định, ông H1 đã xây dựng nhà gỗ, nhà xây diện tích 43m² năm 2016 và các cây trồng hầu hết từ năm 2016 đến nay. Ông H1 xuất trình giấy chuyển nhượng đất thổ cư đề ngày 13-01-2003 với nội dung ông T, anh C chuyển nhượng 3.580m² đất cho ông H1 giá 30.000.000đồng; ngày 13-01-2003 ông H1 đặt cọc 15.000.000 đồng, nếu ông T không trả được tiền cọc thì đất thuộc về ông H1 (BL 98).

Ngày 01-7-2015, Tòa án nhân dân huyện C thụ lý vụ án tranh chấp quyền sử dụng đất giữa nguyên đơn bà Nông Thị N và anh Nông Văn C, bị đơn ông Nông Văn H1. Tại Quyết định số 11/2016/QĐST-DS ngày 17-5-2016 Tòa án nhân dân huyện C đình chỉ giải quyết vụ án do nguyên đơn rút đơn (BL 11).

Ngày 20-10-2016, Văn phòng đăng ký đất đai Chi nhánh huyện C cập nhật thông tin vào GCNQSDĐ bà Nông Thị N thừa kế tài sản của ông Nông Văn T. Ngày 20-10-2017, bà Nông Thị N hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ cho ông Bùi Anh V và bà Trương Thị Đ. Ông V, bà Đ đã được cấp GCNQSDĐ.

Tại Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số: 03/2018/QĐST-DS ngày 15-8-2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông đã công nhận việc hủy GCNQSDĐ đã cấp cho ông V, bà Đ. Bà Nông Thị N phải trả 330.000.000 đồng cho ông V, bà Đ (BL 132).

Ngày 26-9-2019, Tòa án nhân dân huyện C thụ lý vụ án tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa nguyên đơn ông Nông Văn H1, bị đơn ông Nông Thị N. Tại Quyết định số 18/2020/QĐST-DS ngày 23-6-2020 Tòa án nhân dân huyện C đình chỉ giải quyết vụ án do nguyên đơn rút đơn (BL134).

Sau đó Cơ quan Thi hành án dân sự đã ban hành quyết định thi hành án đối với bà N và hướng dẫn các đồng thừa kế chia tài sản thừa kế để thi hành Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số: 03/2018/ QĐST-DS ngày 15-8-2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

[3]. Trong quá trình giải quyết vụ án, cấp sơ thẩm có những vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng và nội dung, cụ thể là:

- *Về thủ tục tố tụng:* Chi Nông Thị Hồng P khởi kiện yêu cầu chia thừa kế, thông báo thụ lý xác định bà Nông Thị N là bị đơn, ông Nông Văn H1, Nông Văn S , bà Lý Thị N1 , anh Nông Văn C là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Tuy nhiên bản án sơ thẩm xác định ông Nông Văn H1 là bị đơn, bà Nông Thị N là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Ngày 18/6/2021, Tòa án mở phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ngày 24/3/2022 bà Nông Thị N có đơn yêu cầu độc lập, cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu độc lập là vi phạm khoản 2 Điều 201 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Theo bản án, ông Nông Văn T chết ngày 12-02-2002 nhưng giấy chuyển nhượng đất của ông T và anh C cho ông H1 ghi ngày 13-01-2003, cấp sơ thẩm không thu thập tài liệu xác định ông T chết ngày tháng năm nào, chưa điều tra anh C có ký hợp đồng hay không để đánh giá hợp đồng chuyển nhượng đất lập ngày 13-01-2003 là thiếu sót.

- *Về nội dung:* Cấp sơ thẩm xác định bà Lý Thị N1 chết ngày 01-4-2022 nhưng không chia tài sản thừa kế theo pháp luật cho bà Lý Thị N1 là trái với Điều 638 của Bộ luật dân sự năm 1995. Bên cạnh đó, Tòa án không xác định người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Lý Thị N1 để đưa vào tham gia tố tụng cũng là không chính xác.

Từ những phân tích, nhận định trên, xét thấy vi phạm của cấp sơ thẩm là nghiêm trọng mà cấp phúc thẩm không thể bổ sung khắc phục được, Hội đồng

xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của ông Nông Văn H1 và anh Nông Văn H2, chấp nhận đề nghị của Luật sư và quan điểm đề nghị của Viện Kiểm sát, hủy bản án sơ thẩm số 09/2023/DS-ST ngày 25-5-2023 của Tòa án nhân dân huyện C, chuyển hồ sơ vụ án về cấp sơ thẩm giải quyết lại theo tục chung.

[4]. *Về chi phí tố tụng và án phí sơ thẩm*: Sẽ được xem xét, quyết định khi vụ án giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

[5]. *Về án phí dân sự phúc thẩm*: Do kháng cáo được chấp nhận, nên ông H1, anh H2 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên :

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308, khoản 2 Điều 310 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2023/DS-ST ngày 25-5-2023 của Tòa án nhân dân huyện C, chuyển hồ sơ vụ án về cho Tòa án nhân dân huyện C giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

2. Về chi phí tố tụng và án phí sơ thẩm: Sẽ được xem xét, quyết định khi vụ án được giải quyết lại.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: H1 trả cho ông Nông Văn H1 và anh Nông Văn H2 mỗi người 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0000342 và 0000343 ngày 19-7-2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND CC tại TP HCM;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- TAND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu: THCTP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tài Sử